

Bản án số: 17/2026/HS-ST

Ngày: 27-01-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Ái Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Toàn

2. Bà Lê Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2026/HSST ngày 05 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN THỊ THU T, sinh năm 1995, tại B (nay là tỉnh L).

Nơi ĐKTT: khu phố 10, phường M, tỉnh L.

Nơi cư trú: khu phố 14, phường M, tỉnh L; Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1962 và bà Trần Thị H, sinh năm 1965. Có chồng và 02 người con.

Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 18/8/2016, Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 85. Chưa chấp hành xong phần dân sự.

Nhân thân: không

Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ ngày 23/8/2025, hiện tạm giam tại Phân trại tạm giam P thuộc Trại tạm giam số 3 Công an tỉnh L.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. ĐOÀN HỮU C (Tên gọi khác: X), sinh năm 1995 tại B (nay là tỉnh L).

Nơi ĐKTT và nơi cư trú: khu phố 2, phường M, tỉnh L; Nghề nghiệp: lao động biển; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; con Đoàn Văn S, sinh năm 1969 và Võ Thị H, sinh năm 1974. Chưa có vợ, con.

Tiền sự: không; Tiền án: không; nhân thân: không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 23/8/2025, hiện tạm giam tại Phân trại tạm giam P thuộc Trại tạm giam số 3 Công an tỉnh L.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 19/8/2025, đối tượng tên Tùng (chưa rõ nhân thân) đến nhà của Nguyễn Thị Thu T tại khu phố 14, phường M, tỉnh L bán cho T khoảng 20 số ma túy đá, T đưa cho Tùng số tiền 1.100.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T phân nhỏ thành nhiều tép đựng trong các đoạn ống nhựa khác nhau và cất giấu tại nhà để bán cho các con nghiện nhằm thu lợi và vào ngày 22/8/2025, T đã 03 lần bán trái phép chất ma túy cho Bùi Thành Đ (sinh năm 1989, trú tại khu phố 13, phường M, tỉnh L), Đoàn Hữu C và Nguyễn Văn T (sinh năm 1996, trú tại khu phố 1, phường M, tỉnh L) để thu lợi 420.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 07 giờ ngày 22/8/2025, Bùi Thành Đ đến nhà của T, gặp T và nói: “Bán cho cái trăm rưỡi, thiếu lại năm chục về nhà chuyển khoản sau”, T đồng ý thì Đ đưa cho T 100.000 đồng, T vào nhà lấy 01 đoạn ống nhựa, bên trong chứa ma túy đá đem ra để trên thêm nhà, Đ lấy đem về nhà của Đ, đổ ma túy mua của T vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, Đ sử dụng hết. Sau đó, Đ đã đem số tiền 50.000 đồng đến trả cho T.

Lần thứ hai: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 22/8/2025, Đoàn Hữu C điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exiter, biển số 86C1-331.55 chạy đến nhà của T hỏi mua 150.000 đồng ma túy đá thì T đồng ý, C đưa cho T 150.000 đồng, T đưa cho C 01 đoạn ống nhựa không màu, hàn kín hai đầu, kích thước (01x2,5)cm, bên trong chứa ma túy đá. Nhận được ma túy, C bỏ vào túi quần phía trước bên trái C đang mặc rồi điều khiển xe chạy về nhà.

Lần thứ ba: Khoảng 08 giờ 50 phút ngày 22/8/2025, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exiter, biển số 86AA-148.29 chạy đến nhà của T, gặp T thì hỏi mua 120.000 đồng ma túy đá, T đồng ý, T đưa cho T 120.000 đồng, T lấy 01 đoạn ống nhựa được hàn kín hai đầu để trên nền nhà, T lấy đoạn ống nhựa bỏ vào bao thuốc lá của T rồi điều khiển xe chạy về nhà của T, đổ ma túy mua của T vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, T sử dụng hết.

Sau khi mua ma túy của T, khi C chạy đến đường hẻm trước Phòng khám đa khoa khu vực M thuộc khu phố 14, phường M, tỉnh L thì Công an phường M đi tuần tra, yêu cầu dừng xe để kiểm tra, phát hiện trong túi quần phía trước bên trái của C đang mặc có 01 đoạn ống nhựa không màu, hàn kín hai đầu, kích thước (01x2,5)cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và đưa C về trụ sở làm việc. Tại đây C khai mua ma túy của T nên Công an phường M đã triệu tập T, Đ và T đến làm việc. Tại đây, C, T, Đ và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án:

Thu giữ từ Đoàn Hữu C:

- Thu giữ trong túi quần phía trước bên trái C đang mặc: 01 đoạn ống nhựa không màu, hàn kín hai đầu, kích thước (01x2,5)cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M khi giám định).

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exiter, biển số 86C1-331.55, số khung 5P10DY308222, số máy 55P1-308230, thu giữ của C.

Thu giữ của Nguyễn Thị Thu T: số tiền 420.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 397/KL-KTHS ngày 29/8/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh L kết luận:

- Mẫu M gửi giám định có khối lượng 0,1465 gam; là chất ma túy, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh L nêu trên.

Bản cáo trạng số 54/CT-VKS-HS ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đoàn Hữu C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thu T đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Đoàn Hữu C đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Đoàn Hữu C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T với mức hình phạt từ 08 năm tù đến 09 năm tù.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đoàn Hữu C với mức hình phạt từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự tuyên:

Tịch thu tiêu hủy đối với 01 đoạn ống nhựa không màu, kích thước (01x2,5)cm, đã cất lấy mẫu cùng 0,1292 gam mẫu M còn lại sau giám định được niêm phong trong bì số 397, có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh L là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành;

Tịch thu số tiền 420.000 đồng, là tiền bị cáo Nguyễn Thị Thu T bán ma túy trong vụ án.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Nguyễn Thị Thu T và Đoàn Hữu C: Bị cáo biết hành vi mua bán, tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, bị cáo hứa sẽ học tập rèn luyện để trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội các bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh L và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Trong thời gian từ lúc 07 giờ đến 08 giờ 50 phút ngày 22/8/2025, tại nhà ở của Nguyễn Thị Thu T thuộc khu phố 14, phường M, tỉnh L. Sau khi Nguyễn Thị Thu T mua ma túy đá của đối tượng tên Tùng, đã phân nhỏ ma túy bỏ vào các đoạn ống nhựa hàn kín, rồi cất giữ trái phép nhằm mục đích mua bán và đã bán trái phép chất ma túy cho Bùi Thanh Đ thu số tiền 150.000 đồng, bán 0,1465 gam Methamphetamine cho Đoàn Hữu C với số tiền 150.000 đồng để C cất giữ nhằm mục đích sử dụng và bán cho Nguyễn Văn T thu số tiền 120.000 đồng thì bị phát hiện, bắt giữ.

Xét thấy các bị cáo Nguyễn Thị Thu T và Đoàn Hữu C là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức đầy đủ về hành vi của mình đối với xã hội. Bị cáo nhận thức được những tác hại nguy hiểm của ma túy đối với sức khỏe con người, đối với cộng đồng xã hội và việc mua bán, tàng trữ chất ma túy là trái pháp luật. Nhà nước nghiêm cấm và xử lý nghiêm khắc đối với mọi hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng các bị cáo đã xem thường pháp luật, thực hiện hành vi mua bán, tàng trữ ma túy bất chấp hậu quả. Do đó đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; hành vi bị cáo Đoàn Hữu C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị Thu T và Đoàn Hữu C cho thấy: Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về chất ma túy mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, thể hiện tính nguy hiểm cao cho xã hội. Đối với bị cáo T, có tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” chưa xóa án tích, nay tiếp tục phạm tội do cố ý thuộc trường hợp “tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội và cũng là để giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, xét thấy tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; nhân thân bị cáo C chưa có tiền án, tiền sự, sẽ được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo an tâm rèn luyện tu dưỡng sớm trở thành người có ích cho xã hội.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 397/KL-KTHS, có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh L là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành. Do vậy, cần áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự quyết định tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 420.000 đồng là tiền thu lợi bất C từ hành vi phạm tội. Do vậy, cần áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự quyết định tịch thu sung công quỹ vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị Thu T và Đoàn Hữu C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2025.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Hữu C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Hữu C 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2025.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 397, có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh L.

- Tịch thu sung công quỹ vào ngân sách Nhà nước số tiền 420.000 đồng.

Vật chứng ghi trên hiện do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Lâm Đồng quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số NK45/2026 ngày 08 tháng 01 năm 2026; giấy nộp tiền vào tài khoản số 39490105451500000 ngày 19/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh L tại kho bạc nhà nước khu vực XVI.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Thị Thu T và Đoàn Hữu C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27-01-2026).

Nơi nhận:

- VKSND KV10 – Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh L;
- TAND KV10 – Lâm Đồng;
- Công an KV10 – Lâm Đồng;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- PTHADS KV10 – Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ.

**TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Ái Quyên